

Đông Anh, ngày 04 tháng 08 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 484/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. Ông Ngô Đăng D, sinh ngày 15/07/1977.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh ngày 24/02/1976.

Hộ khẩu thường trú: Số 134, tổ 16, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội ngày 24/12/2002. Như vậy hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Ông D, bà D1 đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh và cùng làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh công nhận thuận tình ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý, giải quyết việc hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật là *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung khi ly hôn* là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Sau khi cưới theo phong tục của địa phương, ông D, bà D1 chung sống cùng gia đình ông D tại thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông D, bà D1 đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của hai ông, bà là tự nguyện nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1 sinh được 02 con chung là: Ngô Lưu L, sinh ngày 30/10/2003 và Ngô Ngân H, sinh ngày 20/6/2005.

Cháu Ngô Lưu Ly đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Ly hôn hai bên thỏa thuận để bà Nguyễn Thị Kim D1 trực tiếp nuôi con chung Ngô Ngân H, sinh ngày 20/6/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ngô Đăng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Thỏa thuận trên của ông, bà phù hợp với quy định tại Điều 55, 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của ông, bà hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án ghi nhận.

[5] *Về lệ phí*: Ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1 thỏa thuận để ông D chịu cả theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1.

1.2. Về con chung: Ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1 sinh được 02 con chung là: Ngô Lưu L, sinh ngày 30/10/2003 và Ngô Ngân H, sinh ngày 20/6/2005.

Cháu Ngô Lưu Ly đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Ly hôn hai bên thỏa thuận để bà Nguyễn Thị Kim D1 trực tiếp nuôi con chung Ngô Ngân H, sinh ngày 20/6/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Ông Ngô Đăng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Đăng D và bà Nguyễn Thị Kim D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Tiền lệ phí ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mỗi bên phải chịu $1/2 = 150.000$ đồng. Hai bên thỏa thuận để ông D chịu cả nhưng được trừ vào 300.000 đồng ông D đã nộp tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046791 ngày 25/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Ông Ngô Đăng D đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T.P Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- Chi cục THADS huyện Đông Anh.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND thị trấn Đông Anh.
- (Giấy CNKH số:261 ngày 24/12/2002).
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Đỗ Thị Vân